

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày: 24-01-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truệ.
2. Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2017/TLST-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967, có mặt và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1966, vắng mặt.

Cả hai cùng hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An; chỗ ở hiện nay của cả hai tại: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967, có mặt (theo giấy ủy quyền ngày 22 tháng 01 năm 2018).

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An; chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1970, vắng mặt và bà Lê Thị M, sinh năm 1971, vắng mặt.

Cả hai cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2017 và bản tự khai ngày 19 tháng 10 năm 2017 – Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V trình bày: Vào

năm 2016, ông R và bà M có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của ông Q và bà V rất nhiều lần. Ông R và bà M có mua có trả tiền nhưng còn thiếu lại một số tiền nên đến ngày 08 tháng 4 năm 2017, hai bên chốt nợ thì ông R và bà M còn nợ lại ông Q và bà V số tiền gốc 154.411.000 đồng. Ông R và bà M hứa đến ngày 08 tháng 5 năm 2017 sẽ trả hết số tiền 154.411.000 đồng. Ông R và bà M có ký nhận nợ trong biên nhận có nợ tiền phân ngày 08 tháng 4 năm 2017. Tuy nhiên, đến tháng 8 năm 2017, ông R và bà M mới trả được tiền gốc 20.000.000 đồng, còn nợ lại 134.411.000 đồng. Ông Q và bà V có tiến hành đòi nợ nhiều lần nhưng ông R và bà M đến nay vẫn không trả thêm được khoản tiền gốc nào. Nay ông Q và bà V khởi kiện yêu cầu ông R và bà M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q và bà V số tiền gốc là 134.411.000 đồng và tiền lãi suất là 5.376.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 31 tháng 10 năm 2017 – Bà Lê Thị M trình bày: Bà M và ông R tổ chức lễ cưới năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại xã N, huyện T, tỉnh Long An. Bà M và ông R có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của ông Q và bà V. Đến ngày 08 tháng 4 năm 2017, bà M và ông R có làm biên nhận có nợ tiền phân thừa nhận còn nợ lại ông Q và bà V số tiền gốc 134.411.000 đồng. Ông R và bà M có ký vào biên nhận có nợ tiền phân ngày 08 tháng 4 năm 2017. Bà M và ông R xin trả dần mỗi vụ lúa là 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin phần tiền lãi là 5.376.000 đồng vì hoàn cảnh khó khăn. Bà M đề nghị được vắng mặt trong các buổi hòa giải, xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ba lần ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tổng đạt hợp lệ cho ông R và bà M nhưng ông R và bà M không đến tham dự các phiên hòa giải theo quy định pháp luật. Đồng thời, ông R cũng không gửi văn bản nêu ý kiến về việc ông Q và bà V khởi kiện yêu cầu ông R và bà M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông Q và bà V. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bà V - Ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu: Ông R và bà M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q và bà V số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật gốc là 134.441.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 08 tháng 5 năm 2017 đến ngày 08 tháng 10 năm 2017 với mức lãi suất là 0,8 %/tháng là 134.411.000 đồng x 0,75 %/tháng x 05 tháng = 5.376.000 đồng; tổng cộng gốc, lãi là 139.787.000 đồng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bởi vì, ông R và bà M mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của ông Q và bà V về để sản xuất nông nghiệp nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình ông R và bà M. Khi mua bán, ông R và bà M không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho ông Q và bà V.

Tại phiên tòa, bà M có đề nghị xét xử vắng mặt, ông R vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn là ông R và bà M có địa chỉ tại ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ông Q và bà V khởi kiện yêu cầu ông R và bà M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q và bà V số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật gốc, lãi tổng cộng là 139.787.000 đồng là có chứng cứ chứng minh thể hiện qua biên nhận có nợ tiền phân ngày 08 tháng 4 năm 2017 do ông R và bà M ký nhận nợ. Đồng thời, được bà M thừa nhận nợ, đồng ý trả nợ và xác định là nợ chung của ông R và bà M tại bản tự khai ngày 31 tháng 10 năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q và bà V là buộc ông R và bà M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q và bà V số tiền gốc, lãi tổng cộng là 139.787.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 288, 430, 440 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về đề nghị xin trả dân của bà M: Không được ông Q và bà V đồng ý, pháp luật cũng không quy định nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết.

[4] Về sự vắng mặt của ông R và bà M tại phiên tòa: Ông R và bà M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa, nhưng ông R vẫn vắng mặt không có lý do, bà M có đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông R và bà M là phù hợp theo các Điều 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Q và bà V được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông R và bà M phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 139.787.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước; ông Q và bà V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 430, 440 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V, buộc ông Nguyễn Văn R và bà Lê Thị M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V số tiền 139.787.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Án phí của vụ án là 6.989.000 đồng (sáu triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng). Buộc ông Nguyễn Văn R và bà Lê Thị M phải có nghĩa vụ liên đới chịu 6.989.000 đồng (sáu triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.2 Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị V 3.495.000 đồng (ba triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006566 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Nguyễn Văn R và bà Lê Thị M được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

